TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm;

2. Bà Võ Thị Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2018; về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Trang B, sinh năm: 1985 *(Có mặt)*.

HKTT: ấp A, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Trang B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H thông qua mai mối xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối. Thời gian đầu

chung sống với nhau thì anh chị có cuộc sống hạnh phúc; nhưng đến tháng 6/2017 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau và anh H có đánh chị; ngoài ra, mẹ chồng chị còn khắt khe, có đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 7/2017 đến nay, chị và anh H ly thân; chị về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian ly thân, chị và anh H không hàn gắn tình cảm lại được; hiện nay, chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo quy định.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh ngày 03/11/2005; Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19/01/2013; hiện nay cháu Nh đang sống với anh H, còn cháu H đang sống với chị. Chị đồng ý giao cháu Nh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, đến khi cháu H đủ 18 tuổi; chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh và chị B thông qua mai mối và tổ chức đám cưới vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 17/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống, anh chị thường không hợp ý nhau, bất đồng ý kiến với nhau dẫn đến cải vã nhau; giữa chị B và mẹ anh có bất đồng ý kiến nhưng không nghiêm trọng. Từ tháng 6/2017 đến nay thì anh chị sống ly thân; chị B về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian ly thân, anh có hàn gắn tình cảm với chị B nhưng không được, do chị B không đồng ý. Nay chị B yêu cầu ly hôn, thì anh thống nhất ly hôn với chị B theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Văn Nh, sinh ngày 03/11/2005 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19/01/2013. Hiện nay, cháu Nh đang sống với anh, còn cháu H đang sống với chị B; anh không thống nhất giao cháu H cho chị B nuôi dưỡng; anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh và cháu H, đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị B thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Trần Thị Trang B và anh Nguyễn Văn H làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định

pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay chị B yêu cầu ly hôn với anh H, và anh H thống nhất ly hôn với chị B theo quy định; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải việc ly hôn"*.

[3] Về con chung: Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; chị B đồng ý giao cháu Nguyễn Văn Nh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Anh H không thống nhất yêu cầu của chị B; anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh và cháu H đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh H không có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, đối với cháu Nguyễn Văn Nh thì chị B và anh H thống nhất giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị B và anh H; giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; chị B khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do anh H không có yêu cầu.

Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc H, hiện nay chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H từ ngày ly thân đến nay; chị B đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu H, hiện nay chị B đang có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H; mặt khác, cháu H đang dưới 07 tuổi, nên nếu để cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ bảo đảm sự phát triển ổn định cho cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, đến khi cháu H đủ 18 tuổi; anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do chị B không có yêu cầu. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H. Về con chung: Đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của chị B và anh H, giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, chị B khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu. Chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, đến khi cháu H đủ 18 tuổi, anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không có yêu cầu; không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh H thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị B phải chịu án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trang B và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Trang B và anh Nguyễn Văn H; giao cho anh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Nh, sinh ngày 03/11/2005, đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; chị B khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không có yêu cầu.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Trang B; giao cho chị B được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 19/01/2013, đến khi cháu H đủ 18 tuổi; anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không có yêu cầu.

Không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Chị B và anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh H không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Trang B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001868 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều